

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HC-ST
Ngày 30 - 8 - 2024

V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng.
2. Ông Nguyễn Như Âm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 55/2024/TLST-HC ngày 13/3/2024 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HC ngày 04/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lý Thị M; địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu H; địa chỉ: 5 Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số I T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Viết Ngọc P - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Lý Thị M và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Hữu H trình bày:

Bà **Lý Thị M** có thửa đất tại thửa số 60, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 320 tờ bản đồ số 127 tại địa chỉ **thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, hiện các thửa đất này đang nằm trong diện tích đất bị thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**. Bà **M** nhận được Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của **UBND huyện E** (sau đây viết tắt là Quyết định số 110) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án nêu trên, diện tích đất bị thu hồi là 6.376,8 m² tại thửa đất số 60 và 3.372,8 m² tại thửa đất 320. Bà **M** không đồng ý với Quyết định số 110, cụ thể như sau:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Các thửa đất do bà **M** cùng chồng khai hoang 1997, canh tác trồng hoa màu trên đất bao gồm cây lạc, mía, đậu, ngô... Gia đình bà **M** đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đất bị thu hồi nêu trên, tại sổ hộ khẩu Công an đã xác nhận bà **M** chuyển đến ở tại các thửa đất nêu trên vào năm 1999. Vì hoàn cảnh khó khăn, nên năm 2009 bà **M** được nhà nước xây nhà theo chương trình 167. Từ năm 1997 đến 2017 gia đình bà **M** trồng cây hoa màu trên đất, do lớn tuổi, sức khỏe yếu nên bà **M** chuyển qua trồng cây lâu năm như là điều, dừa, bưởi, keo lại, cà phê... Việc trồng các cây lâu năm nêu trên vào năm 2017 đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Như vậy gia đình bà **M** quản lý sử dụng ổn định liên tục, không tranh chấp, không bị cơ quan tổ chức nào ngăn cản, không bị xử phạt hành chính từ năm 1997 đến nay. Hiện nay bà **M** chỉ có một căn nhà duy nhất ở tại vị trí đất bị thu hồi. **UBND huyện E** cho rằng đất này do bà **M** tự ý lấn chiếm từ năm 2019 là không có cơ sở. Việc chỉ hỗ trợ về đất cây trồng hàng năm là 50%, hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất 60%, hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc là 60%, không bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở để gia đình bà **M** tái định cư ổn định cuộc sống là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật.

Do vậy, bà **M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của **UBND huyện E** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ gia đình bà **Lý Thị M**.

- Buộc **UBND huyện E** phải phê duyệt phương án bồi thường về đất, bồi thường về tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:**

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Hộ bà **Lý Thị M** sử dụng 9.740,6 m² đất thuộc phạm vi thu hồi, trong đó 3.372,8 m² tại thửa đất số 320 tờ bản đồ số 127 theo trích lục bản đồ địa chính số 237/TL-CNEK-KTĐC, do Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện E** lập ngày 12/01/2023 và 6.367,8 m² tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 139, theo trích lục bản đồ địa chính số 180/TL-CNEK-KTĐC, do Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện E** lập ngày 12/01/2023. Căn cứ Giấy xác nhận số 36/GXN-UBND ngày 24/04/2023 của **UBND xã C** xác nhận hộ bà **Lý Thị M** lấn chiếm sử dụng đất năm 2015 (theo Công văn số 29/CV-Cty ngày 17/04/2023 của **Công ty TNHH MTV L**). Diện tích đất do **Công ty TNHH MTV L** quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/07/2008 của **UBND tỉnh Đ** về việc cho **Lâm T Ea Kar** thuê 137.935686 m² đất. Xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, từ năm 2019 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Về bồi thường về đất: Căn cứ kết quả xác nhận số 36/GXN-UBND ngày 24/04/2023 của UBND xã C xác nhận đối với hộ bà Lý Thị M thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường E thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do vậy, theo khoản 1 Điều 75 và Điều 82 Luật Đất đai thì toàn bộ diện tích thuộc phạm vi thu hồi của hộ bà Lý Thị M không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Hỗ trợ về đất: Căn cứ kết quả xác nhận số 36/GXN-UBND ngày 24/04/2023 của UBND xã C thì hộ bà Lý Thị M lần chiếm sử dụng đất từ năm 2019 nên không được xem xét hỗ trợ về đất theo khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ (sau đây viết tắt là Quyết định số 14).

- Hỗ trợ khác về cây trồng: Căn cứ kết quả xác nhận số 36/GXN-UBND ngày 24/04/2023 của UBND xã C hộ bà Lý Thị M lần chiếm sử dụng đất từ năm 2019 nên cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành theo khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14.

Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc K - Buôn M, giai đoạn 1; Quyết định số 111/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc K - Buôn M, giai đoạn 1 đối với hộ bà Lý Thị M là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, bà M khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Về nội dung, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc K - Buôn M, giai đoạn 1, trong đó có gia đình bà Lý Thị M. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 09/01/2024 bà **M** khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Các bên đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện đều có đơn đề nghị xét xử vắng. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung: Xét Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc K - Buôn M, giai đoạn 1, đối với hộ gia đình bà Lý Thị M

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: UBND huyện E ban hành Quyết định số 110 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai.

[2.2]. Về nội dung của Quyết định số 110.

[2.2.1]. Về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất:

Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 127, diện tích đất bị thu hồi 3.372,8 m², theo trích lục bản đồ địa chính số 237 ngày 12/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E lập và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 139, diện tích 6.367,8 m², theo trích lục bản đồ địa chính số 180 ngày 12/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E lập, nằm trong tổng diện tích đất 137.935.686 m² Nhà nước cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên L (sau đây viết tắt là Công ty L) thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/07/2008 của UBND tỉnh Đ. Tại Công văn số 29/CTy ngày 17/4/2023 của Công ty L thể hiện thửa đất số 79, tờ bản đồ số 139 thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ địa chính DC3, hiện trạng Rừng tự nhiên sản xuất, do hộ dân lấn chiếm năm 2015. Tại Văn bản số 36/GXN-UBND ngày 24/4/2023 của UBND xã C thể hiện thửa đất số 320 và 60 do hộ bà Lý Thị M lấn chiếm năm 2015, sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ năm 2019 cho đến nay.

Người khởi kiện bà Lý Thị M cho rằng diện tích đất thửa đất số 320 và 60, có nguồn gốc do vợ chồng bà M khai hoang từ năm 1997, gia đình bà M tạo lập các tài sản trên đất và sử dụng ổn định đến nay. Tuy nhiên, bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, việc kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền không, việc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Bà M cũng cho rằng năm 2009 Nhà nước xây dựng cho bà 01 căn nhà theo Chương trình 167 nên xác định thời điểm bà sử dụng đất là năm 2009, tuy nhiên theo hồ sơ thể hiện, căn nhà này được xây dựng trên thửa đất số 151, tờ bản đồ số 91, diện tích 6.505 m², đã được UBND huyện E bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 04/12/2023. Như vậy, có căn cứ để xác định, diện tích đất bị thu hồi là do hộ bà Lý Thị M lấn chiếm của Công ty L từ năm 2015.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu bồi thường về đất: Như đã phân tích ở mục [2.2.1], do diện tích đất bị thu hồi của bà **M** là đất lấn chiếm của **Công ty L** nên không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013. **UBND huyện E** không bồi thường về đất cho hộ gia đình bà **M** là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu hỗ trợ về đất:

Tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 (sau đây viết tắt là Quyết định số 14) của **UBND tỉnh Đ** ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

“Điều 20. Hỗ trợ khác:

...

2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

...

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

... ”

Như đã phân tích ở mục [2.2.1], thời điểm bà **M** lấn chiếm đất là năm 2015 nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ về đất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14. **UBND huyện E** không hỗ trợ về đất cho hộ bà **M** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.4]. Đối với yêu cầu hỗ trợ về cây trồng trên đất:

Tại khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14 quy định:

“Điều 20. Hỗ trợ khác:

...

5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

....

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

... ”

Theo Biên bản về việc thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 27/02/2023 thể hiện, trên đất của hộ gia đình bà **M** trồng các cây Điều, **D**, **B**, **K** đều

được trồng từ năm 2017-2019 nên **UBND huyện E** hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành đối với cây trồng trên đất cho hộ gia đình bà **M** là đúng quy định.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lý Thị M** về việc hủy một phần Quyết định số 110 và buộc **UBND huyện E** phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, hỗ trợ về tài sản và cây trồng gắn liền với đất cho gia đình bà **Lý Thị M**.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện bà **Lý Thị M** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

- Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, Điều 82, Điều 89, Điều 90 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (đã được sửa đổi năm 2017); khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Lý Thị M** về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng **đường C - Buôn M**, giai đoạn 1 đối với hộ gia đình bà **Lý Thị M**.

- Buộc **UBND huyện E**, phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, về cây trồng gắn liền với đất cho hộ gia đình bà **M** đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí:

Bà **Lý Thị M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009510 ngày 08/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thanh Huyền